

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HS - ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Văn**

Ông Dương Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Tình** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Đỗ Quốc Bảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Văn T** - Sinh ngày 26/3/2005 tại thị trấn PB, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn SP B, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; căn cước công dân số: 002205009850, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/5/2021; Đảng phái, đoàn thể: Không; dân tộc: Hoa (Hán); giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Cường D (sinh năm 1976) và bà Vàng Thị P (sinh năm 1977); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2024, hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 16/2024/HSST, ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Nguyễn Xuân Giang** - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang (Có mặt);

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh **Vàng Dũng Ph** - Sinh năm 1985; trú tại: Thôn TL A, xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);

2. Anh **Giàng Mí D1** - Sinh năm 2001; trú tại: Khu I, thị trấn PB, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);
3. Anh **Hầu Mí L** - Sinh năm 1992; trú tại: Thôn TK, thị trấn PB, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);
4. Anh **Sùng Mí Gi** - Sinh 1989; trú tại: Thôn PT, xã SL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);
5. Anh **Giàng Mí S** - Sinh năm 1982; Thôn T B, xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);
6. Anh **Mua Mí H1** - Sinh năm 1993; Thôn PTr, thị trấn PB, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);
7. Anh **Ly Mí P1** - Sinh năm 2000; Thôn HH, xã SP, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);
8. Anh **Sùng Mí D2** - Sinh năm 1993; trú tại: Thôn ĐK, xã SL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);
9. Anh **Hầu Sáu L** - Sinh năm 1978; trú tại: Thôn SP A, xã PC, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương (Vắng mặt không lý do);
10. Anh **Vàng Mí Ch** - Sinh năm 1994; trú tại: Thôn CP B, xã PC, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);
11. Anh **Cử Mí P2** - Sinh năm 2001; trú tại: Thôn CP A, xã PC, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);
12. Bà **Vàng Thị P** - Sinh năm 1977; trú tại: Thôn SP B, xã PC, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do. (Có mặt);

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Ông **Lý Xuân C** - Sinh năm 1969. (Vắng mặt không lý do);
2. Ông **Vi Cường D** - Sinh năm 1976. (Có mặt);

Người phiên dịch tiếng Mông: Anh **Mua Mí Chá**; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2023, Vi Văn T thuê căn nhà cấp bốn thuộc thôn SP A, xã PC, huyện Đ của ông Lý Xuân C (trú tại khu II, thị trấn PB, huyện Đ, tỉnh Hà Giang) để mở quán bán hàng tạp hóa, với giá thuê 2.000.000 đồng/tháng. Việc thuê nhà giữa Vi Văn T và ông Lý Xuân C chỉ thỏa thuận bằng miệng, không làm hợp đồng bằng văn bản. Sau khi thuê được nhà, T đã mua 02 bàn bi-

a, 02 bộ bóng bi-a, 06 gậy bi-a; 02 bộ bài tây loại 52 quân để cho khách chơi bi-a.

Khoảng 07 giờ 15 phút, ngày 17/01/2024, ông Vi Cường D (bố đẻ bị cáo) sang cửa hàng của Vi Văn T mở cửa lấy chuỗi ra bán ngày chợ phiên xã PC, sau đó ông D không đóng cửa. Do cửa hàng của T có gắn camera và vị trí đối diện với chỗ ở của T nên đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, Vi Văn T mới đi sang cửa hàng. Đến nơi, T thấy cả hai bàn bi-a của mình đang có khách chơi với hình thức chơi bi-a ù bài theo kiểu Trung Quốc: Người chơi sử dụng một bộ bài tây (loại bài 52 lá bài), được ký hiệu số thứ tự từ 2 đến 10 và ký hiệu các chữ cái A, J, Q, K, chia cho mỗi người 4 lá bài. Sau khi chia bài xong sẽ xếp 10 viên bi-a số thứ tự từ 6 đến 15. Trong đó quy định các lá bài được ký hiệu số thứ tự 6 đến 10 sẽ tương ứng với số thứ tự của các viên bi-a được ký hiệu từ 6 đến 10; lá bài A và J sẽ tương ứng với viên bi-a số 11; lá bài số 2 và Q sẽ tương ứng với viên bi-a số 12; quân bài số 3 và K sẽ tương ứng với viên bi-a số 13; lá bài số 4 sẽ tương ứng với viên bi-a số 14; lá bài số 5 sẽ tương ứng với viên bi-a số 15. Sau khi chia bài và xếp bi-a xong sẽ tiến hành chia mỗi người một lá bài để xem số thứ tự của ai to hơn thì người đó chơi trước và cứ lần lượt đi theo số thứ tự của các lá bài đã được chia. Nếu ai đánh được số viên bi-a tương ứng với số của 04 lá bài đã được nhận trước đó thì người đó ù (*tức là người thắng cuộc*) và những người thua cuộc sẽ phải trả tiền cho người thắng.

Quá trình các đối tượng đánh bạc, T đứng xem hai bàn đánh bạc khoảng 20 phút và thấy các đối tượng đánh bi-a thắng thua ăn tiền, người thua trả tiền cho người thắng cuộc. Sau đó, T đi sang nhà phía đối diện cửa hàng bi-a để phụ giúp bố mẹ bán đồ ăn sáng. Đến khoảng 09 giờ 15 phút cùng ngày, T quay lại cửa hàng để thu tiền bàn. T đứng xem hai bàn bi-a chơi được khoảng 05 phút thì nói "*Đến giờ thu tiền bàn rồi*". Khi nghe T nói vậy thì Mua Mí H1 (*bàn thứ hai*) và Sùng Mí Gi (*bàn thứ nhất*) mỗi người đưa cho T 30.000 đồng. Sau khi thu tiền bàn xong, T tiếp tục đứng xem bàn thứ hai chơi. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, T thấy bàn thứ hai đã nâng mức thắng thua mỗi ván lên 50.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày thì Tổ Công tác của Công an huyện Đ vào bắt quả tang, thu tại bàn số 2 số tiền 930.000 đồng; 01 bộ bài gồm 52 quân bài; thu giữ tại bàn số 1: 01 bộ bài 42 quân bài; 02 bàn bi-a; 02 bộ bi-a, mỗi bộ gồm 11 viên bi-a và 06 gậy được làm bằng gỗ dùng để đánh bi-a. Quá trình điều tra xác định tại thời điểm bắt quả tang có 11 đối tượng cùng tham gia đánh bạc ăn tiền, bằng hình thức chơi bi-a ù bài theo kiểu Trung Quốc, cụ thể như sau:

Tại bàn thứ nhất (*tính từ ngoài cửa vào*) có 05 người đang chơi trong đó có Giàng Mí S, trú tại thôn T B, xã LT, huyện Đ; Sùng Mí Gi, trú tại thôn PT, xã SL, huyện Đ và 03 đối tượng (không rõ tên tuổi địa chỉ) chơi bi-a thắng thua ăn tiền với mức tiền cược là 20.000 đồng/người/ván. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Vàng Dũng Ph, trú tại thôn TL A, xã ST, huyện Đ vào chơi cùng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Hầu Mí L, trú tại thôn TK, thị trấn PB, huyện Đ và Giàng Mí D1, trú tại Khu I, thị trấn PB, huyện Đ cũng vào chơi

cùng, quá trình đánh bi-a thắng thua bằng tiền, có người nghỉ, người vào chơi thêm.

Số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc: Vàng Dũng Ph đã sử số tiền 2.000.000 đồng mang theo để đánh bạc; Giàng Mí D1 sử dụng số tiền 60.000 đồng để đánh bạc; Hầu Mí L sử dụng số tiền 80.000 đồng vào việc đánh bạc; Sùng Mí Gi sử dụng số tiền 300.000 đồng vào việc đánh bạc; Giàng Mí S sử dụng 200.000 đồng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền 05 đối tượng tại bàn bi-a thứ nhất sử dụng để đánh bạc là 2.640.000 đồng.

Tại bàn thứ hai (tính từ ngoài cửa vào) có 06 người chơi trong đó có Mua Mí H1, trú tại thôn PTr, thị trấn PB, huyện Đ; Sùng Mí D2, trú tại thôn ĐK, xã SL, huyện Đ; Ly Mí P1, trú tại thôn HH, xã SP, huyện Đ; Hầu Sáu L, trú tại thôn SP A, xã PC, huyện Đ; Vàng Mí Ch, trú tại thôn CP B, xã PC, huyện Đ; Cử Mí P2, trú tại thôn CP A, xã PC, huyện Đ đang chơi bi-a thắng thua ăn tiền với mức cược là 30.000 đồng/người/ván.

Số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc: Mua Mí H1 249.000 đồng; Ly Mí P1 467.000 đồng; Sùng Mí D2 740.000 đồng; Hầu Sáu L 2.087.000 đồng; Vàng Mí Ch 400.000 đồng; Cử Mí P2 220.000 đồng. Tổng số tiền 06 đối tượng chơi tại bàn bi-a thứ hai sử dụng để đánh bạc là 4.163.000 đồng.

Tổng số tiền 11 đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc vào ngày 17/01/2024 tại quán của Vi Văn T, thuộc thôn Súa Pả A, xã PC, huyện Đ là 6.803.000 đồng. Trong đó: số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 930.000 đồng + số tiền các đối tượng tự nguyện khai báo, giao nộp trong quá trình điều tra là 5.173.000 đồng = 6.103.000 đồng; số tiền còn lại không thu giữ được do quá trình bỏ chạy và mang theo tiền trên người, các đối tượng đã chi tiêu hết 640.000 đồng và trả 60.000 đồng tiền bàn bi-a cho Vi Văn T.

Quá trình điều tra, xác định 05 đối tượng đánh bạc ở bàn bi-a thứ nhất, gồm: Sùng Mí Gi, Hầu Mí L, Giàng Mí D1, Giàng Mí S, Vàng Dũng Ph và 06 đối tượng đánh bạc ở bàn bi-a thứ hai, gồm: Cử Mí P2, Vàng Mí Ch, Hầu Sáu L, Ly Mí P1, Sùng Mí D2, Mua Mí H1 đều đánh bạc ở mức dưới 05 triệu đồng; các đối tượng đều chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng nêu trên với mức phạt là 1.500.000 đồng/người.

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Vi Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Từ căn cứ trên, Cáo trạng số 11/CT-VKSĐV ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Vi Văn T về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vi Văn T phạm tội “Gá bạc”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Vi Văn T từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian

thử thách từ 36 đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo do bị cáo thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nguồn thu nhập không ổn định. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, để tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước các vật chứng gồm: 02 bàn bi-a; 02 bộ bóng bi-a, mỗi bộ gồm 11 viên bi-a; 06 gậy bi-a; số tiền 6.103.000 đồng đã thu giữ được của 11 đối tượng tham gia đánh bạc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây gồm 42 lá bài; 01 bộ bài tây gồm 52 lá bài. Do bị cáo hiện đang sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như đã nêu trong bản cáo trạng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; lời khai người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản tạm giữ T sản, đồ vật, T liệu; bản kết luận giám định và các vật chứng, T liệu có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vàng Thị P có ý kiến: Xin Hội đồng xét xử trả lại 02 chiếc bàn bi-a kèm theo 02 bóng và các gậy bi-a mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ, do bà đã bỏ ra cho bị cáo Vi Văn T số tiền 25.000.000 đồng để bị cáo lấy vốn làm ăn khi bị cáo đặt mua bàn bi-a về kinh doanh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Sùng Mí Gi, Hầu Mí L, Giàng Mí D1, Giàng Mí S, Vàng Dũng Ph đều có ý kiến: Họ tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi bi-a ù bài theo kiểu Trung Quốc vào sáng 17/01/2024 ở bàn bi-a thứ nhất tại quán của T. Bàn này độc lập với bàn thứ hai, mức cược 20.000 đồng/người/ván chơi. Quá trình chơi không ai rủ ai, đến quán mới gặp nhau rồi cùng chơi. Trong đó, Vàng Dũng Ph mang số tiền 2.000.000 đồng, Giàng Mí D1 mang số tiền 60.000 đồng, Hầu Mí L mang số tiền 80.000 đồng, Sùng Mí Gi mang số tiền 300.000 đồng, Giàng Mí S mang số tiền 200.000 đồng đều với mục đích sử dụng vào việc đánh bạc. Hành vi vi phạm của các đối tượng đều đã bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 1.500.000 đồng/người, nay họ đều không có ý kiến gì. Đối với số tiền 05 người sử dụng vào việc đánh bạc là 2.640.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền 30.000 đồng trả tiền thuê bàn bi-a, các đối tượng chi tiêu cá nhân hết 510.000 đồng, còn lại các đối tượng đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.100.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Nay cả 05 người đều không có ý kiến gì đối với số tiền đã giao nộp.

Lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Cử Mí P2, Vàng Mí Ch, Ly Mí P1, Sùng Mí D2, Mua Mí H1; lời khai của Hầu Sáu L có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Họ tham gia

đánh bạc bằng hình thức chơi bi-a ù bài theo kiểu Trung Quốc vào sáng 17/01/2024 ở bàn bi-a thứ hai tại quán của T. Bàn này độc lập với bàn thứ nhất, mức cược 30.000 đồng/người/ván chơi. Quá trình chơi không ai rủ ai, đến quán mới gặp nhau rồi cùng chơi. Trong đó, Mua Mí H1 mang theo 249.000 đồng, Ly Mí P1 mang theo 467.000 đồng, Sùng Mí D2 mang theo 740.000 đồng, Hầu Sáu L mang theo 2.087.000 đồng, Vàng Mí Ch mang theo 400.000 đồng, Cử Mí P2 mang theo 220.000 đồng đều với mục đích sử dụng vào việc đánh bạc. Hành vi vi phạm của các đối tượng đều đã bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 1.500.000 đồng/người, nay họ không có ý kiến gì. Đối với số tiền 06 người sử dụng vào việc đánh bạc là 4.163.000 đồng, trong đó thu giữ trên mặt bàn bi-a 930.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền 30.000 đồng trả tiền thuê bàn bi-a, các đối tượng chi tiêu cá nhân hết 130.000 đồng, còn lại các đối tượng đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.073.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Nay cả 06 người đều không có ý kiến gì đối với số tiền đã giao nộp.

Tại phần tranh luận ông Nguyễn Xuân Giang - Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho bị cáo Vi Văn T có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt theo mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Kiểm sát viên. Về xử lý vật chứng, về án phí: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không có ý kiến bổ sung gì thêm. Khi nói lời sau cùng, bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ, những người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi gá bạc trái phép là vi phạm pháp luật và bị nghiêm cấm. Tuy nhiên, ngày 17/01/2024, Vi Văn T đã sử dụng địa điểm của hàng bi-a tại thôn SP A, xã PC, huyện Đ thuộc quyền quản lý của mình để cho 11 người với 02 chiếu bạc (02 bàn bi-a) cùng một lúc, đánh bạc thắng thua bằng tiền theo hình thức chơi bi-a ù bài theo kiểu Trung

Quốc, với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 6.803.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và có cơ sở để kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo Vi Văn T về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...;

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

... ”

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp tới trật tự công cộng, xâm phạm các quy định của Nhà nước về chính sách ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn cờ bạc, nhằm giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ tính mạng, sức khỏe và tài sản của công dân. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, việc không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu tới công cuộc phòng chống tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định một khoảng thời gian thử thách đối với bị cáo; giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội.

[7] Xét thấy, bị cáo thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định

nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo.

[8] Trong vụ án này còn có các đối tượng Sùng Mí Gi, Hầu Mí L, Giàng Mí D1, Giàng Mí S, Vàng Dũng Ph (chơi bi-a ở bàn 1) và Cử Mí P2, Vàng Mí Ch, Hầu Sáu L, Ly Mí P1, Sùng Mí D2 và Mua Mí H1 (chơi bi-a ở bàn 2); quá trình điều tra xác định 11 đối tượng trên đều chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc; các đối tượng không có sự bàn bạc thống nhất từ trước; hai bàn chơi bi-a là độc lập, không liên quan đến nhau; số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc tại mỗi bàn đều dưới 5.000.000 đồng nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” đối với các đối tượng trên. Để đảm bảo xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, ngày 08/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11 và 12/QĐ-XPHC đối với 11 đối tượng trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, mức phạt mỗi đối tượng là 1.500.000 đồng.

[9] Đối với 05 đối tượng đã tự nghỉ chơi bi-a thắng thua bằng tiền (*04 đối tượng chơi ở bàn thứ nhất và 01 đối tượng chơi ở bàn thứ hai*) trước khi Công an huyện Đ vào bắt quả tang, ngày 20/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Thông báo truy tìm đối với 05 nói trên gửi đến các cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Hà Giang để nắm phối hợp thực hiện. Đến nay thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ vẫn chưa nhận được thông tin gì về nhân thân, lai lịch của các đối tượng trên; không xác định được số tiền các đối tượng sử dụng để tham gia đánh bạc là bao nhiêu nên chưa có căn cứ để xử lý. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục truy tìm, điều tra, xác minh, làm rõ số tiền các đối tượng đã sử dụng để đánh bạc vào ngày 17/01/2024. Nếu tổng số tiền 05 đối tượng nghỉ chơi trước đó và 11 đối tượng bị bắt quả tang xác định được ở mỗi bàn bi-a từ 5.000.000 đồng trở lên thì sẽ hủy bỏ các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trước đó, tiến hành khởi tố vụ án mới để điều tra theo quy định của pháp luật.

[10] Trong vụ án này có ông Lý Xuân C là chủ nhà cho bị cáo T thuê để làm quán bi-a, nơi bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi gá bạc. Quá trình điều tra xác định ông Chủ không biết việc bị cáo T thực hiện hành vi đánh bạc, ông Chủ cũng không được hưởng lợi gì từ việc này. Đối với ông Vi Cường D và bà Vàng Thị P (*là bố, mẹ đẻ của bị cáo*), quá trình điều tra xác định ông D, bà P không biết việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với ông Lý Xuân C, ông Vi Cường D, bà Vàng Thị P.

[11] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 bộ bài tây gồm 42 lá bài; 01 bộ bài tây gồm 52 lá bài, các vật chứng này các đối tượng sử dụng thực hiện hành vi đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Đối với 02 bàn bi-a; 02 bộ bi-a, mỗi bộ gồm 11 viên bi-a; 06 gậy được làm bằng gỗ dùng để đánh bi-a và số tiền 6.103.000 đồng, đây là các công cụ, tiền dùng vào việc thực hiện hành vi đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Vàng Thị P về việc xin lại 02 chiếc bàn bi-a và số lượng bóng, gậy bi-a kèm theo do toàn bộ số tài sản trên đều thuộc quyền sở hữu của bị cáo, việc bà P cho bị cáo (hoặc cho vay) số tiền 25.000.000 đồng để bị cáo lấy vốn làm ăn là quan hệ pháp luật dân sự độc lập, không có liên quan đến số tài sản trên trong vụ án này.

[13] Đối với số tiền 60.000 đồng các đối tượng khai đã trả tiền bàn cho bị cáo Vi Văn T, xét thấy số tiền không lớn và bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ nên không đề cập giải quyết.

[14] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[10] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vi Văn T phạm tội “Gá bạc”.

2. Hình phạt: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vi Văn T 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã PC, huyện Đ, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

3.1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 bộ bài tây gồm 42 (bốn mươi hai) lá bài, mặt trước của các lá bài được đánh các số thứ tự từ 2 đến 10 và các chữ cái A, J, Q, K; mặt sau có các hoa văn màu xanh trắng. *(Không tiến hành kiểm tra bên trong);*

- 01 bộ bài tây gồm 52 lá bài, mặt trước của các lá bài được đánh số thứ tự từ 2 đến 10 và các chữ cái A, J, Q, K, mặt sau có các đường kẻ caro màu đỏ trắng. *(Không tiến hành kiểm tra bên trong);*

3.2. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với:

- 02 bàn bi-a, thương hiệu AILEEX888 TOURNAMENT, kích thước 2,76m x 1,51m, xung quanh bàn được bọc bằng lớp kim loại và gỗ, mặt bàn được bọc bằng lớp vải màu xanh dương. Phần dưới đáy bàn được ốp bằng đá và được cố định bằng các thanh gỗ, bên dưới gồm có 02 trụ bàn, mỗi trụ gồm có 02 chân tròn, trụ được ốp bằng gỗ ép, chân trụ được làm bằng kim loại kích thước mỗi trụ 1,1m x 0,15m x 0,62m. Loại bàn bi-a 6 lỗ đã qua sử dụng. Tất cả đã được tháo rời các bộ phận và được niêm phong bằng các dải giấy niêm phong, trên niêm phong có các chữ ký, chữ viết các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang *(Tất cả vẫn còn nguyên niêm phong, không tiến hành kiểm tra bên trong);*

- 02 bộ bi-a, mỗi bộ gồm 11 viên bi-a, đường kính mỗi viên bi-a 6cm, trong đó có 10 viên được đánh số thứ tự từ 6 đến 15 gồm nhiều màu sắc khác nhau và 01 viên bi cái màu trắng. Tất cả đều đã qua sử dụng. Được niêm phong trong 01 túi nilon màu xanh dương, miệng túi được buộc kín dán bằng 01 dải giấy niêm phong, trên niêm phong có các chữ ký, chữ viết các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang *(Tất cả vẫn còn nguyên niêm phong, không tiến hành kiểm tra bên trong);*

- 06 gậy được làm bằng gỗ dùng để đánh bi-a, trong đó 04 gậy dài 1,43m và 02 gậy dài 1,45m. Tất cả đều đã qua sử dụng. Được quấn bằng 01 dải giấy niêm phong, trên niêm phong có các chữ ký, chữ viết các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang *(Tất cả vẫn còn nguyên niêm phong, không tiến hành kiểm tra bên trong);*

- 01 hòm tôn màu gỉng bạc, kích thước 26,5cm x 20cm x 12 cm được niêm phong kín, hòm có 01 tay cầm bằng kim loại phía mặt trên của nắp hòm và được dán giấy niêm phong tại vị trí hai mép chiều rộng của hòm tôn, trên dải giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, chữ viết các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Bên trong có chứa số tiền 6.103.000 đồng *(sáu triệu một trăm linh ba nghìn đồng)* *(Hòm tôn vẫn còn nguyên niêm phong, không tiến hành kiểm tra bên trong).*

Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 09 giờ 10 phút ngày 21/6/2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án huyện Đ)

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về điều kiện thi hành án: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Hồ sơ thahs;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm